

Số: *14* /BC-UBND

Châu Thành, ngày *13* tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO

Công khai dự toán ngân sách năm 2022

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh

Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành báo cáo tình hình thực hiện công khai dự toán ngân sách năm 2020 trên địa bàn huyện theo Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 343/2016/ND-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách như sau:

I. Tình hình công khai ngân sách tại các xã, phường, thị trấn thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh:

Các xã, thị trấn đã thực hiện công khai dự toán ngân sách năm 2022 đầy đủ, kịp thời đúng quy định. Cụ thể:

STT	Tên xã	Xã đã thực hiện công khai ngân sách						Ghi chú
		Nội dung		Hình thức		Thời gian		
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian quy định	Chưa đúng thời gian quy định	
1	Trí Bình	x		x		x		
2	Thái Bình	x		x		x		
3	Long Vĩnh	x		x		x		
4	Thị Trấn	x		x		x		
5	Hòa Hội	x		x		x		
6	Hòa Thạnh	x		x		x		
7	Đồng Khởi	x		x		x		
8	Phước Vinh	x		x		x		
9	Thanh Điền	x		x		x		
10	An Cơ	x		x		x		
11	Biên Giới	x		x		x		
12	Thành Long	x		x		x		

STT	Tên xã	Xã đã thực hiện công khai ngân sách						Ghi chú
		Nội dung		Hình thức		Thời gian		
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian quy định	Chưa đúng thời gian quy định	
13	Ninh Điền	x		x		x		
14	An Bình	x		x		x		
15	Hảo Đức	x		x		x		

II. Tình hình thực hiện công khai tài chính của các đơn vị dự toán ngân sách thuộc Ủy ban nhân dân huyện:

Các đơn vị dự toán đã thực hiện công khai ngân sách đúng nội dung, hình thức, thời gian quy định (biểu số 86/CK-NSNN kèm theo quyết định 153/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện Châu Thành): 36 đơn vị

III. Tình hình thực hiện công khai tài chính của các đơn vị được ngân sách nhà nước hỗ trợ:

Số đơn vị được ngân sách nhà nước hỗ trợ chưa thực hiện công khai: không có

IV. Tình hình thực hiện công khai tài chính của các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

Số dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước đã thực hiện công khai đúng nội dung, hình thức, thời gian quy định (biểu số 92/CK-NSNN kèm theo quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của UBND huyện Châu Thành): 45 dự án

Trên đây là báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về tình hình thực hiện công khai dự toán ngân sách năm 2022.

Nơi nhận: *[Handwritten signature]*
 - Sở Tài chính;
 - Huyện ủy;
 - Hội đồng nhân dân huyện;
 - Lưu: VT.

[Handwritten signature]
CHỦ TỊCH

[Handwritten signature]
Lê Ngọc An



QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành, khóa XII, kỳ họp thứ 3 về việc dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 8404/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc dự toán thu, chi ngân sách năm 2022;


Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 14/TTr-TCKH ngày 10/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 (theo các biểu đính kèm: từ mẫu số 81/CK NSNN đến mẫu số 92/CK NSNN).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này.

Nơi nhận: 
- Sở Tài chính;
- TTHU, TTHĐND;
- Như điều 3;
- Lưu.



CHỦ TỊCH


Lê Ngọc Ân



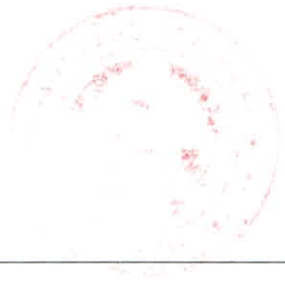


CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của UBND huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	523.600
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	180.500
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	167.120
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	13.380
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	343.100
-	Thu bổ sung cân đối	342.270
-	Thu bổ sung có mục tiêu	830
III	Thu kết dư	-
IV	Thu của đơn vị sự nghiệp (đảm bảo hoạt động chi TX)	
V	Nguồn CCTL đơn vị tự đảm bảo	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	523.600
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	522.770
1	Chi đầu tư phát triển	43.180
2	Chi thường xuyên	469.130
3	Dự phòng ngân sách	10.460
4	Chi từ nguồn tăng thu	
II	Chi các chương trình mục tiêu	830
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	830
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	



CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
(Kèm theo Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của UBND huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	416.627
I	Nguồn thu ngân sách	416.627
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	140.720
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	275.907
-	Thu bổ sung cân đối	275.452
-	Thu bổ sung có mục tiêu	455
3	Nguồn CCTL đơn vị tự đảm bảo	
4	Thu của đơn vị sự nghiệp (đảm bảo hoạt động chi TX)	
II	Chi ngân sách	416.627
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	407.872
2	Chi từ nguồn tăng thu	
3	Chi dự phòng	8.300
4	Chi bổ sung cho ngân sách xã	455
-	Chi bổ sung cân đối	-
-	Chi bổ sung có mục tiêu	455
5	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH XÃ	106.973
I	Nguồn thu ngân sách	106.973
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	39.780
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	67.193
-	Thu bổ sung cân đối	66.818
-	Thu bổ sung có mục tiêu	375
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
5	Nguồn CCTL xã tự đảm bảo	
II	Chi ngân sách	106.973

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của UBND huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

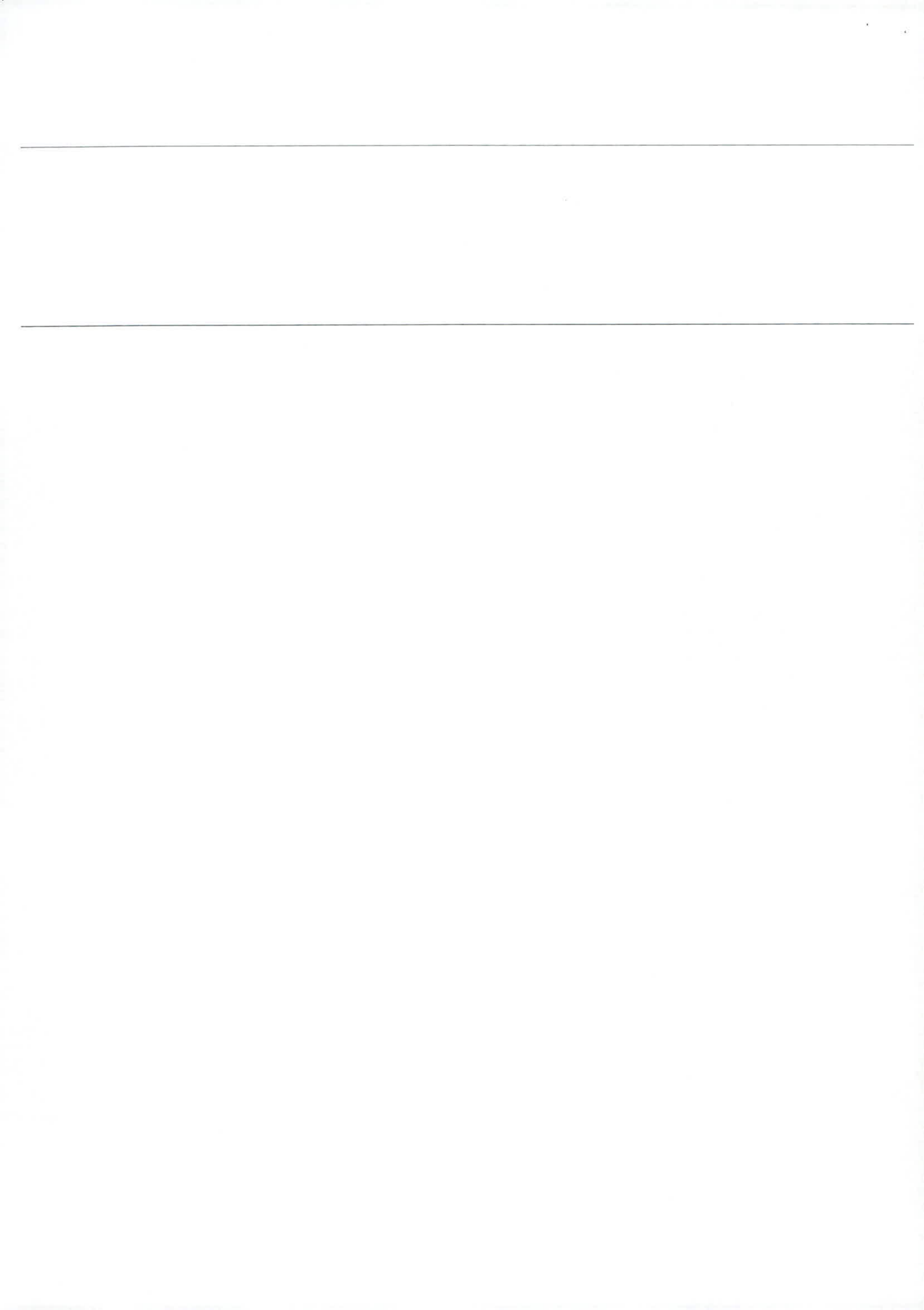
STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	172.120	167.120
I	Thu nội địa	172.120	167.120
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	76.000	76.000
1.1	Thuế GTGT	67.350	67.350
1.2	Thuế TNDN	4.500	4.500
1.3	Thuế TTDB, hàng hóa dịch vụ trong nước	30	30
1.4	Thuế Tài nguyên	4.120	4.120
1.5	Thu khác ngoài quốc doanh		
2	Thuế thu nhập cá nhân	29.000	29.000
3	Thuế bảo vệ môi trường		
4	Lệ phí trước bạ	16.000	16.000
5	Thu phí, lệ phí	4.500	4.500
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	420	420
8	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	2.000	2.000
9	Thu tiền sử dụng đất	33.000	33.000
10	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
12	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
13	Thu khác ngân sách	11.000	6.000
14	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	200	200
15	Thu khác tại xã		
II	Thu viện trợ	-	-

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của UBND huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

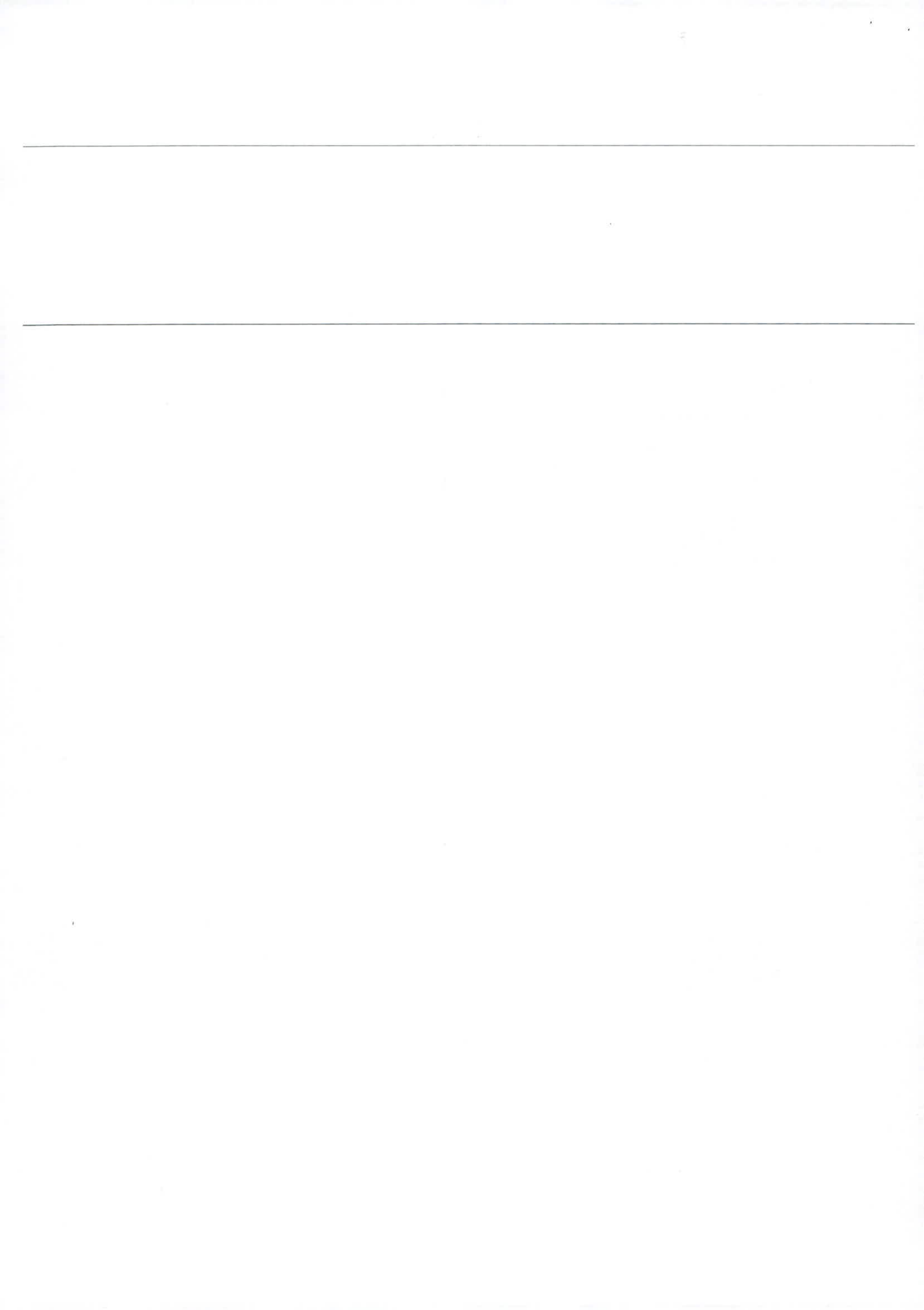
STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	523.600	416.627	106.973
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	522.770	416.172	106.598
I	Chi đầu tư phát triển	43.180	43.180	-
1	Chi đầu tư cho các dự án	36.280	36.280	-
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	-		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-		
-	Chi khoa học và công nghệ	-		
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	36.280	36.280	-
-	Nguồn vốn XDCCB tập trung	9.880	9.880	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	26.400	26.400	
2	Chi đầu tư phát triển khác	6.600	6.600	
3	Chi từ nguồn thu khác theo ND 167			-
4	Chi ủy thác qua ngân hàng chính sách	300	300	
II	Chi thường xuyên	469.130	364.692	104.438
	Trong đó:	-		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	241.190	241.190	
2	Chi khoa học và công nghệ	130	130	
III	Chi dự phòng ngân sách	10.460	8.300	2.160
IV	Chi từ nguồn tăng thu			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	830	455	375
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự ATGT cho Ban ATGT cấp huyện, cấp xã (500 triệu đồng/huyện; 25 triệu đồng/xã)	830	455	375
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			0



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của UBND huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	522.770
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	106.598
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	416.172
I	Chi đầu tư phát triển	43.180
1	Chi từ nguồn cân đối NSDP	9.880
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	26.400
3	Chi đầu tư tạo lập Quỹ phát triển quỹ đất	6.600
4	Chi ủy thác qua ngân hàng chính sách	300
II	Chi thường xuyên	364.692
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	241.190
2	Chi khoa học và công nghệ (3)	130
3	Chi quốc phòng	4.101
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	750
5	Chi y tế, dân số và gia đình	3.782
6	Chi văn hóa thông tin và truyền thanh	2.682
7	Chi thể dục thể thao	
8	Chi bảo vệ môi trường	6.090
9	Chi các hoạt động kinh tế	30.028
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	32.123
11	Chi bảo đảm xã hội	40.248
12	Chi đặc thù huyện biên giới	690
13	Chi thường xuyên khác	1.191
14	Tiết kiệm chi TX 10% so với năm 2021	1.687
III	Dự phòng ngân sách	8.300
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	





ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH

Biểu số 89/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU, SỔ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của UBND huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bản	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	Chia ra			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Nguồn CCTL đơn vị tự đảm bảo	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối NSDP
				Thu NSDP hưởng 100%	Thu phân chia					
					Tổng số	Trong đó: Phần NSDP được hưởng				
A	B	I	2=3+5	3	4	5	6	7	8	9=2+6+7+8
	TỔNG SỐ	106.598	39.780	11.112	28.668	28.668	66.818	0	0	106.598
1	An Bình	5.841	1.041	220	821	821	4.800			5.841
2	An Cơ	6.114	1.525	565	960	960	4.589			6.114
3	Biên Giới	8.006	1.468	737	731	731	6.538			8.006
4	Đồng Khởi	6.155	2.172	644	1.528	1.528	3.983			6.155
5	Hào Đức	6.565	1.546	335	1.211	1.211	5.019			6.565
6	Hòa Hội	7.102	1.633	200	1.433	1.433	5.469			7.102
7	Hòa Thạnh	8.386	1.229	386	843	843	7.157			8.386
8	Long Vĩnh	5.756	1.268	354	914	914	4.488			5.756
9	Ninh Điền	7.320	5.611	595	5.016	5.016	1.709			7.320
10	Phước Vinh	8.856	5.136	1.096	4.040	4.040	3.720			8.856
11	Thái Bình	7.049	3.287	1.169	2.118	2.118	3.762			7.049
12	Thanh Điền	7.408	3.839	1.231	2.608	2.608	3.569			7.408
13	Thành Long	9.899	4.406	1.466	2.940	2.940	5.493			9.899
14	Thị Trấn	6.146	4.070	1.654	2.416	2.416	2.076			6.146
15	Trí Bình	5.995	1.549	460	1.089	1.089	4.446			5.995



DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của UBND huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Tên đơn vị (1)	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	I	2	3	4
	TỔNG SỐ	375	-	375	-
1	Thị Trấn	25		25	
2	Thái Bình	25		25	
3	Trí Bình	25		25	
4	Thanh Điền	25		25	
5	An Bình	25		25	
6	Long Vĩnh	25		25	
7	Đồng Khởi	25		25	
8	Hảo Dước	25		25	
9	An Cơ	25		25	
10	Phước Vinh	25		25	
11	Ninh Điền	25		25	
12	Thành Long	25		25	
13	Hòa Hội	25		25	
14	Hòa Thạnh	25		25	
15	Biên Giới	25		25	



DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của UBND huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

S TT	Dan h mục dự án	Địa điể m xây dự ng	Năng lự c thiế t kế	Thờ i gian khờ i cõ ng - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021			Lũy kế vốn đã bỏ trí đến 31/12/2021			Kế hoạch vốn năm 2022							
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương		Ngân sách địa phương	Ngoài nước		Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Tổng số					753.591	-	-	753.591	223.603	-	-	223.603	223.603	-	-	223.603	43.180	-	-	43.180
I	VỐN TÌNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU					655.922	-	-	655.922	193.326	-	-	193.326	193.326	-	-	193.326	23.910	-	-	23.910
(1)	Đổi ứng nông thôn mới xã					483.033	-	-	483.033	147.766	-	-	147.766	147.766	-	-	147.766	21.272	-	-	21.272
1	Các dự án chuyên tiếp sang năm 2022					217.400			217.400	147.766			147.766	147.766			147.766	18.769			18.769
2	Các dự án khởi công mới năm 2022					265.633			265.633	-			-	-			-	2.503			2.503
(2)	Đổi ứng vốn tình Hồ trợ khác					154.135	-	-	154.135	35.560	-	-	35.560	35.560	-	-	35.560	2.130	-	-	2.130
1	Các dự án chuyên tiếp sang năm 2022					58.843			58.843	35.560			35.560	35.560			35.560	2.130			2.130
2	Các dự án khởi công mới năm 2022					95.292			95.292	-			-	-			-	-			-
(3)	Phát triển thành phố, thị xã					18.754	-	-	18.754	10.000	-	-	10.000	10.000	-	-	10.000	508	-	-	508
1	Các dự án chuyên tiếp sang năm 2022					18.754			18.754	10.000			10.000	10.000			10.000	508			508
2	Các dự án khởi công mới năm 2022					40.240			40.240	-			-	-			-	-			-
II	VỐN XDCB TẬP TRUNG HUYỆN					97.669	-	-	97.669	30.277	-	-	30.277	30.277	-	-	30.277	12.670	-	-	12.670
(1)	Các dự án chuyên tiếp sang năm 2021					36.594	-	-	36.594	30.277	-	-	30.277	30.277	-	-	30.277	5.327	-	-	5.327
1	Xây mới trụ sở Đài truyền thanh, phòng văn hóa huyện Châu Thành					5.714			5.714	5.627			5.627	5.627			5.627	86			86
2	Trường tiểu học Cây Xiêng					6.826			6.826	5.910			5.910	5.910			5.910	450			450
3	Nâng cấp sửa chữa trụ sở UBND xã Long Vĩnh					3.106			3.106	3.850			3.850	3.850			3.850	55			55
4	Cải tạo Phòng Giáo dục và Đào tạo					1.649			1.649	1.450			1.450	1.450			1.450	156			156
5	Cải tạo Phòng làm việc Phòng LĐT&XH, BQLDA, TT.PTQĐ huyện					307			307	270			270	270			270	23			23
6	Nghĩa trang liệt sĩ huyện Châu Thành (giai đoạn 2)					2.566			2.566	670			670	670			670	1.768			1.768
7	Đường Trí Bình 02 (Từ HL11B đến Láng cát ấp Tâm Long)					2.290			2.290	1.900			1.900	1.900			1.900	219			219
8	Đường Trí Bình 07 (Từ HL11B đến Đường huyện 3)					2.034			2.034	1.700			1.700	1.700			1.700	182			182
9	Đường nội đồng (điểm đầu quán Đạn Trường - điểm cuối ruộng ông Huấn)					4.993			4.993	4.150			4.150	4.150			4.150	455			455
10	Xây dựng kho chứa vật chất doanh trại BCHQS huyện.					760			760	650			650	650			650	74			74
11	Xây dựng nhà ở chốt dân quân Cây Đa xã Hòa Thạnh					1.200			1.200	1.030			1.030	1.030			1.030	112			112

S TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2021				Kế hoạch vốn năm 2022				
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn						
							Ngoài nước	Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương	Ngoài nước			Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
12	Đường tô 7,8 ấp Long Chân xã Long Vĩnh					3.200			3.200	1.370			1.370	1.370			1.370	1.497			1.497
13	San lấp mặt bằng xây dựng điểm dân cư liền kề chốt dân quân Mít Trụ xã Hòa Thạnh					194			194	170			170	170			170	24			24
14	Đường vào điểm dân cư liền kề chốt dân quân Tân Định xã Biên Giới					353			353	300			300	300			300	53			53
15	Đài quan sát phòng không					675			675	580			580	580			580	95			95
16	Làm mới hàng rào và mở rộng chốt dân quân Thành Nam, xã Thành Long					728			728	650			650	650			650	78			78
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2020					61.075	-	-	61.075	-	-	-	-	-	-	-	-	7.343	-	-	7.343
1	Chi Ủy thác qua ngân hàng chính sách					1.000			1.000									300			300
2	Sửa chữa hàng rào, sân nền Khối vận huyện Châu Thành					348			348									278			278
3	Sửa chữa đường Huyện 5					2.200			2.200									800			800
4	Chi Đối ứng xây dựng điểm dân quân liền kề chốt dân quân Biên Giới trên địa bàn huyện Châu Thành					3.000			3.000									1.200			1.200
5	Sửa chữa các Phòng ban huyện (Phòng Nông Nghiệp và PTNT và 03 trạm: Trạm Chăn nuôi- Thú y; Trạm Trồng trọt - Bảo vệ thực vật; Trạm Khuyến nông).					1.178			1.178									600			600
6	Sửa chữa các Phòng ban huyện (Thanh Tra Huyện)					601			601									300			300
7	Chi xây dựng nhà kho tạm giữ tang vật Phòng Tài chính - Kế hoạch					473			473									380			380
8	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật các khối: Mặt trận Tổ quốc - Huyện Ủy - UBND huyện					4.151			4.151									1.385			1.385
9	Xây mới hàng rào, hệ thống thoát nước khu liên hợp thể thao huyện châu thành					3.263			3.263									1.000			1.000
10	Nâng cấp, cải tạo Nghĩa trang liệt sĩ xã Hòa Thạnh					1.171			1.171									800			800
11	Cải tạo, sửa chữa hệ thống thoát nước Đường vào Ban Chỉ huy quân sự thị trấn					400			400									300			300
12	Sửa chữa trạm y tế các xã.					3.156			3.156									-			-

S TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2021			Kế hoạch vốn năm 2022						
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn					
							Ngoài hước	Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương	Ngoài nước			Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương
13	Đường tổ 19, 20 ấp Vĩnh xã An Cơ					6.497			6.497							-				
14	Xây dựng các hạng mục công trình quốc phòng trong khu vực phòng thủ huyện (GD 1)					2.500			2.500							-				
15	Xây mới văn phòng khu phố 3 thị trấn					900			900							-				
16	Nâng cấp văn phòng khu phố 1, khu phố 2 thị trấn Châu Thành					800			800							-				
17	Đường tổ 22 khu phố 2 thị trấn Châu Thành					1.200			1.200							-				
18	Xây mới nhà làm việc BCHQS xã Trí Bình					3.500			3.500							-				
19	Xây dựng Ban CHQS xã Biên Giới.					3.376			3.376							-				
20	Xây dựng Ban CHQS xã Hào Đức.					3.500			3.500							-				
21	Xây dựng Ban CHQS xã Long Vĩnh					2.500			2.500							-				
22	Xây dựng nhà ở chột dân quân Bộ Lớn xã Hòa Hội					1.229			1.229							-				
23	Nâng cấp, cải tạo nhà ăn, xây mới nhà bếp Đại đội bộ binh 40 huyện Châu Thành					1.200			1.200							-				
24	Xây dựng hàng rào xung quanh doanh trại Đại đội Bộ Binh B40.					2.095			2.095							-				
25	Xây dựng mới chợ Thái Bình					3.500			3.500							-				
26	Xây dựng mới chợ Biên Giới					3.500			3.500							-				
27	Đường nối từ đường huyện 18 đến đường tuần tra biên giới					1.100			1.100							-				
28	Công viên xã Thanh Điền					2.037			2.037							-				
29	Nâng cấp Chợ Bến Sỏi xã Thành Long					700			700							-				
III	CHI TẠO LẬP PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT																6.600		6.600	

